

Số: 1948 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 09 tháng 6 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng công trình mở lộ thiên tăng độ sâu khai thác đến cote -80m tại mỏ đá xây dựng Tân Cang 5, thuộc phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; công suất: 1.000.000 m³/năm (nguyên khối)” tại phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Theo đề nghị của Chủ tịch hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng công trình mở lộ thiên tăng độ sâu khai thác đến cote -80m tại mỏ đá xây dựng Tân Cang 5, thuộc phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; công suất: 1.000.000 m³/năm (nguyên khối)” tại phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai tại Biên bản họp Hội đồng thẩm định ngày 31 ngày 12 tháng 2020;

Xét nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án “Đầu tư xây dựng công trình mở lộ thiên tăng độ sâu khai thác đến cote -80m tại mỏ đá xây dựng Tân Cang 5, thuộc phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; công suất: 1.000.000 m³/năm (nguyên khối)” tại phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai đã được của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai chỉnh sửa, bổ sung tại Văn bản số 81/CV-DNC ngày 26 tháng 5 năm 2021;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 604/TTr-STNMT ngày 03 tháng 6 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án “Đầu tư xây dựng công trình mở lộ thiên tăng độ sâu khai thác đến cote -80m tại mỏ đá xây dựng Tân Cang 5, thuộc phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; công suất: 1.000.000 m³/năm (nguyên khối)” tại phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai (sau đây gọi là Dự án) của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai (sau đây gọi là Chủ dự án) với các nội dung chính tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Niêm yết công khai Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường theo quy định pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này và trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường của Dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành và thay thế Quyết định này thay thế Quyết định số 2242/QĐ-UBND ngày 30/6/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai phê duyệt phương án cải tạo, phục hồi môi trường bổ sung Dự án “Điều chỉnh thời gian khai thác mỏ đá xây dựng Tân Cang 5, xã Phước Tân, thành phố Biên Hòa, công suất 1.000.000 m³ đá nguyên khối/năm” của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- Công ty CP Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Sở Tài nguyên và Môi trường;
- Sở Xây dựng;
- Sở Công Thương;
- Sở Tài chính;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Quỹ Bảo vệ môi trường Đồng Nai;
- UBND thành phố Biên Hòa;
- UBND phường Phước Tân;
- Chánh, Phó Văn phòng KTN;

Lưu: VT, KTNS, KTN.

QĐĐT.M.Đautuxdcongrtrinh&tangdosaukhaithacmodaTanCang5-
CtyĐatuXd&VatlieuĐN

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Võ Văn Phi



Phụ lục

CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

“Đầu tư xây dựng công trình mỏ lộ thiên tăng độ sâu khai thác đến cote -80m tại mỏ đá xây dựng Tân Cang 5, thuộc phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai; công suất: 1.000.000 m³/năm (nguyên khối)” tại phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Vật liệu Đồng Nai

(Kèm theo Quyết định số 1948/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

1. Thông tin về Dự án:

- 1.1. Vị trí: Tại phường Phước Tân, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- 1.2. Tổng diện tích đất của Dự án là 25,175 ha (bao gồm khai trường và các công trình phụ trợ bên trong).
- 1.3. Độ sâu khai thác tối đa tại mức -80m.
- 1.4. Công suất khai thác 1.000.000 m³ đá nguyên khối/năm.
- 1.5. Thời gian hoạt động của Dự án: Thời gian khai thác đến ngày 12/10/2034. Không bao gồm thời gian cải tạo, phục hồi môi trường dự kiến thực hiện 1 năm.
- 1.6. Các hạng mục chính của Dự án: Diện tích khu vực khai thác là 25,175 ha; sân công nghiệp 1,4 ha được bố trí trong ranh khai thác gần khu vực mốc 2 gồm khu chế biến đá, các công trình phụ, bãi thải tạm 1,5 ha (là bãi thải tạm di động theo khu vực bóc phủ). Hệ thống thu gom, xử lý nước thải (nước tháo khô mỏ) được bố trí trong ranh khai thác, nằm tại đáy moong.

Trước khi kết thúc khai thác 02 năm, thực hiện tháo dỡ mặt bằng sân công nghiệp để đưa diện tích 1,4ha vào khai thác. Cơ cấu đá thành phẩm chỉ bao gồm đá nguyên khai nên không phải thực hiện xay nghiền đá.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ Dự án:

2.1. Các tác động môi trường chính của dự án:

- Bụi và khí thải phát sinh từ các hoạt động: Hoạt động bóc tầng phủ, từ quá trình khai thác đá, từ khu chế biến và hoạt động vận chuyển nội mỏ và ngoài mỏ.
- Nước thải gồm: Nước mưa chảy tràn qua khai trường, khu vực sân công nghiệp và nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên.
- Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân viên, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại từ quá trình khai thác.

2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải: Bụi đất phát sinh từ các hoạt động: bóc tầng phủ, từ quá trình khai thác và vận chuyển đá (khoan lỗ, nổ mìn, bóc xúc và vận chuyển đất phủ và đá nguyên khai, đá thành phẩm), từ hoạt động tại khu chế biến đá (đến năm 2032), từ hoạt động xúc bóc và vận chuyển đá thành phẩm, lớp đất phủ; thành phần gồm bụi SO₂, CO, THC, NO_x, VOC.

2.3. Quy mô, tính chất của nước thải: Nước thải sinh hoạt của cán bộ công nhân viên tối đa khoảng $3,0 \text{ m}^3/\text{ngày}$, thành phần (BOD_5 , chất rắn lơ lửng, dầu mỡ, Amoni, tổng Photpho, Coliform). Nước tháo khô mỏ có nguồn gốc nước mưa thu gom được tại khai trường có lưu lượng xả thải trung bình tại mỏ trung bình $2.582 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$, lớn nhất $2.900 \text{ m}^3/\text{ngày đêm}$; thành phần chủ yếu chất rắn lơ lửng.

2.4. Quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt và chất thải rắn công nghiệp thông thường: Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân viên khoảng $34,0 \text{ kg/ngày}$, chất thải rắn công nghiệp không nguy hại gồm thùng giấy carton, nhựa thải, bao bì thải có khối lượng phát sinh ít và đất đá thải từ quá trình bóc phủ khoảng 940.183 m^3 nguyên khai (hoạt động bóc tầng phủ diễn ra trong 04 năm theo tiến độ giải phóng mặt bằng).

2.5. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại: Hộp mực in thải, bóng đèn huỳnh quang thải, dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải, bao bì cứng thải bằng kim loại, bao bì cứng thải bằng vật liệu khác, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại, bình ắc quy thải. Tổng khối lượng khoảng $8.627,4 \text{ kg/năm}$.

2.6. Các tác động khác: Tiếng ồn, độ rung phát sinh tại khu vực khai thác và sân công nghiệp.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của Dự án:

3.1. Về xử lý bụi, khí thải:

- Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động khai thác tại khai trường: Tăng cường trồng cây xanh xung quanh moong khai thác, sử dụng biện pháp khoan ướt, sử dụng thuốc nổ Anfo, nhũ tương, sử dụng phương pháp nổ mìn vi sai phi điện và kết hợp khoan nổ mìn lỗ nghiêng tạo biên khi mở tiến đến biên giới bờ kết thúc.

- Biện pháp giảm thiểu bụi tại khu chế biến: Áp dụng biện pháp phun nước giảm bụi tại 02 trạm nghiền sàng đá: tiếp tục vận hành hệ thống phun sương tại trạm nghiền hiện đang hoạt động và lắp mới một hệ thống phun sương cho trạm nghiền sàng thứ hai (hoàn thành trong năm 2021). Sử dụng xe bồn tưới nước làm ẩm mặt bằng khu chế biến và đường vận chuyển nội bộ mỏ.

- Biện pháp giảm thiểu bụi dọc theo đường vận chuyển, mặt bằng sân bãi nội bộ mỏ: Sử dụng xe bồn có thùng 09 m^3 tưới nước để giảm bụi dọc đường vận chuyển trong mỏ, sân công nghiệp với tần suất 02 - 4 lần/ngày trong những ngày không mưa; sân công nghiệp được trải đá, thường lu lèn; quy định xe vận chuyển đá thành phẩm phải có thùng kín, che bạt, chở đá đúng tải trọng; xây dựng mới 01 trạm rửa bánh xe đối với các xe chuyên chở sản phẩm trước khi rời mỏ đá; phối hợp với các chủ dự án mỏ khác trong khu vực cùng thực hiện giải pháp tưới nước đường vận chuyển ngoài mỏ cho đến đường chuyên dụng.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thực hiện các biện pháp kiểm soát, giảm thiểu bụi, khí thải, không gây ô nhiễm môi trường.

3.2. Về thu gom và xử lý nước thải:

- Nước thải sinh hoạt: Tiếp tục sử dụng khu vệ sinh đã được đầu tư xây

dựng hoàn chỉnh và đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận hoàn thành tại Giấy xác nhận số 40/GXN-BTNMT ngày 21/4/2015 gồm 01 bể tự hoại có công suất xử lý $03 \text{ m}^3/\text{ngày}$. Đầu tư lắp đặt mới 01 nhà vệ sinh lưu động để thay thế bể tự hoại sau khi di dời nhà văn phòng (dạng container) vào ranh khai thác để thu gom và định kỳ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng hút, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh theo quy định.

- Mỏ không đầu tư xướng sửa chữa nên không phát sinh nước thải từ hoạt động này. Công tác sửa chữa, bảo trì máy móc, thiết bị của mỏ sẽ được hợp đồng với các cơ sở sửa chữa trong khu vực Phước Tân, Biên Hòa.

- Đối với nước mưa chảy tràn:

+ Tại moong khai thác: Tiếp tục sử dụng các hạng mục thu gom, thoát nước mưa khu vực khai trường theo Giấy xác nhận hoàn thành số 40/GXN-BTNMT ngày 21/4/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và cải tạo theo tiến độ khai thác gồm có: Tuyến đê bao dọc sông Buông dài 730m cao trung bình 05m: mặt đê rộng 03m, chân đê rộng 12,5m; tuyến đê bao khu vực còn lại dài 1.412 m cao trung bình 3,5m: mặt đê rộng 03m, chân đê rộng 10m (khu vực phía Nam thông moong với mỏ Ấp Miếu dài 250m nên không đắp đê bao); hồ thu nước dưới đáy khai trường gồm 02 ngăn (ngăn thu nước rộng 2.400 m^2 , sâu 10m dung tích chứa 24.000 m^3 , ngăn lắng sơ bộ có kích thước 20m x 20m x 03m dung tích chứa 1.200 m^3) và được mở rộng theo tiến độ khai thác; giai đoạn khai thác đến tầng -80m áp dụng phương pháp khai thác mỏ đa cấp: Sử dụng tầng -80m làm nơi chứa nước và xử lý trước khi bơm tháo khô vào mùa mưa, giảm dung tích hồ thu còn 500 m^3 . Trạm bơm đặt ở hồ thu với công suất $500 \text{ m}^3/\text{h}$ (có 01 máy $350 \text{ m}^3/\text{h}$ dự phòng) sử dụng ống thép D200 (ống hút) và D168 (ống đẩy), hút nước sau xử lý tại ngăn bơm và xả ra sông Buông.

Tái sử dụng 01 phần nước tháo khô sau xử lý để phục vụ tưới đường, tưới cây, phun nước giảm bụi: Lưu lượng 114 - 141 $\text{m}^3/\text{ngày}$ đêm.

+ Tại khu vực sân công nghiệp: Mương thoát nước sân công nghiệp có tổng chiều dài khoảng 125m, rộng 0,5m, sâu 1,0m.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Tách riêng triệt để tuyến thoát nước mưa, nước thải. Không được để nước thải tự thấm xuống đất, không được xả nước thải chưa qua xử lý, không đạt quy chuẩn ra môi trường; bố trí hồ thu nước có độ sâu không vượt quá cao độ -80m.

3.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt: Sử dụng hệ thống thu gom triệt để rác thải sinh hoạt bằng 02 thùng rác (dung tích 200 lít/thùng) đã được đầu tư, trong đó: khu vực nhà văn phòng là 01 thùng 200 lít, khu vực chế biến 01 thùng 200 lít, tổng dung tích của các thùng chứa khoảng 400 lít, định kỳ giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý.

- Đối với đất tầng phủ: Một phần được dùng để sử dụng làm các công trình bảo vệ môi trường và cải tạo phục hồi môi trường, phần còn lại cho địa phương khi có nhu cầu sử dụng làm vật liệu san lấp cho các công trình công cộng; bố trí

bãi thải tạm trong ranh khai thác tại các khu vực bóc phủ phía Tây có tổng diện tích khoảng 1,5 ha.

- Đối với chất thải nguy hại (CTNH): phân loại CTNH và bố trí trong từng thùng chứa CTNH riêng biệt, đã xây dựng 01 khu lưu giữ chất thải tại khu vực sân công nghiệp có diện tích khoảng 12 m² đáp ứng yêu cầu kỹ thuật, định kỳ giao cho đơn vị có chức năng thu gom, xử lý. Công trình đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường xác nhận hoàn thành tại Giấy xác nhận số 40/GXN-BTNMT ngày 21/4/2015.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: Thu gom, xử lý các loại chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình vận hành dự án đảm bảo các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường. Có biện pháp kiểm soát, thu gom chất thải lỏng rò rỉ tại khu vực lưu giữ chất thải.

3.4. Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn, độ rung và ô nhiễm khác:

- Giảm thiểu tiếng ồn và độ rung: không hoạt động vào giờ nghỉ ngơi (từ 22h đến 5h sáng), trang bị dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân viên, phối hợp thời gian nổ mìn với các mỏ đá lân cận không nổ mìn cùng một lúc, phương pháp nổ mìn vi sai phi điện,...

- Giảm thiểu chấn động rung, đá văng khi nổ mìn: phối hợp công tác nổ mìn với các mỏ đá lân cận, bố trí giám đốc điều hành mỏ phụ trách chuyên môn, phối hợp thời gian nổ mìn với các mỏ đá lân cận, áp dụng phương pháp nổ mìn vi sai phi điện, sử dụng thuốc nổ Anfo, nhũ tương; lập nội quy về nổ mìn. Công tác nổ mìn tại mỏ tuân thủ quy định theo QCVN 01:2019/BCT; tuân thủ nghiêm ngặt lịch nổ mìn quy định tại địa phương: thời gian nổ mìn thứ 2,3,4,5,6 được phép tiến hành nổ mìn từ 11 giờ 30 phút đến 13 giờ, trừ các ngày cấm nổ mìn theo quy định tại Quyết định số 16/2019/QĐ-UBND ngày 01/4/2019 của UBND tỉnh Đồng Nai ban hành quy chế quản lý vật liệu nổ công nghiệp, tiền chất thuốc nổ trên địa bàn tỉnh Đồng Nai...

3.5. Công trình, biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: lắp đặt các biển báo hướng dẫn thi công, cảnh báo nguy hiểm, thường xuyên kiểm tra vách taluy, hệ thống đường vận tải mỏ phải an toàn,...

- Tuân thủ khoảng cách hành lang bảo vệ nguồn nước sông Buông và các phụ lưu đoạn thuộc phường Phước Tân, phường Tam Phước theo Quyết định số 4520/QĐ-UBND ngày 29/12/2016 của UBND tỉnh Đồng Nai.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố sạt lở bờ moong, bãi thải tạm: Đảm bảo góc nghiêng sườn tầng theo quy định; thường xuyên quan sát vách moong, bãi thải tạm; trồng cây quanh bờ moong, khu vực tiếp giáp giữa khu chế biến và moong khai thác; làm rãnh thoát nước; quan trắc sạt lở bờ mỏ, bãi thải tạm định kỳ 06 tháng/lần.

3.6. Nội dung cải tạo phục hồi môi trường:

3.6.1. Giải pháp cải tạo, phục hồi môi trường:

Giai đoạn khai thác: Hiện có thực hiện các công tác trồng cây xanh quanh moong khai thác khoảng 7.000 cây keo lá tràm; đã đắp 730m đê bao phía Đông dọc sông Bung; đã lắp đặt khoảng 14 biển báo nguy hiểm quanh moong. Tại khu vực sân công nghiệp, Công ty đã thực hiện trồng cây xanh bao quanh khoảng 200 cây keo lá tràm. Khi dự án tăng độ sâu đi vào hoạt động, Công ty sẽ tiến hành xây dựng tường rào kẽm gai có chiều cao 2,0 m (gồm chân tường gạch cao 1,5m, lưới rào 0,5m) dọc theo bờ moong, chiều dài 2.126m, nhằm đảm bảo ngăn ngừa các sự cố, rủi ro khi người hoặc gia súc tiếp cận gần moong khai thác; tiếp tục trồng bổ sung cây xanh (keo lá tràm) xen kẽ dầu rái tại khu vực moong kết thúc khai thác để đạt tổng số khoảng 7.747 cây keo lá tràm và 775 cây dầu rái; lắp bổ sung biển báo có trụ đỡ làm bằng bê tông cốt thép để đạt tổng số 40 biển báo (ghi rõ độ sâu của hồ nước là -80m); đắp bổ sung đê bao dài 1.412m.

+ Đối với khu vực sân công nghiệp: Tháo dỡ, phá bỏ và vận chuyển toàn bộ các công trình và máy móc thiết bị ra khỏi khu vực sân công nghiệp để khai thác vào năm 2032.

Giai đoạn kết thúc khai thác, đóng cửa mỏ, cải tạo, phục hồi môi trường:

- Khai trường khi kết thúc khai thác:

+ Củng cố đê bao đã đắp với khối lượng đất đắp 9.571 m³.

+ Củng cố bờ moong theo chiều dài mong kết thúc khai thác của Dự án là khoảng 2.160 m (thuộc tầng đất phủ), 2.040 m (thuộc tầng đá phong hóa), vừa khai thác vừa tiến hành củng cố song song các tầng đất, đá.

+ Dọn dẹp đáy moong bằng biện pháp san gạt (8.100 m³) và lấp hồ thu nước (500 m³).

+ Lắp đặt hệ thống thoát nước cho hồ gồm 01 tuyến cống đôi loại bê tông đường kính D1000, dài 10m.

- Ngoài ra còn có công tác phục hồi môi trường ngoài biên giới mỏ như: duy tu đường vận chuyển ngoài mỏ, là tuyến nối từ ranh mỏ ra đến đường vận chuyển chung có chiều dài 80m, xử lý các loại chất thải rắn còn tồn tại, đo vẽ địa hình và quan trắc môi trường (nước dưới đất, đất, không khí), duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường và công trình cải tạo phục hồi môi trường sau 3 năm kết thúc khai thác.

3.6.2. Dự toán kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường:

- Tổng kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường là: 4.868.343.216 đồng (Bốn tỷ, tám trăm sáu mươi tám triệu, ba trăm bốn mươi ba nghìn, hai trăm mười sáu đồng), trong đó Chủ dự án đã thực hiện ký quỹ với số tiền là 4.385.633.057 đồng (Bốn tỷ, ba trăm tám mươi lăm triệu, sáu trăm ba mươi ba nghìn, không trăm năm mươi bảy đồng) tại Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai.

- Như vậy, tổng kinh phí dành cho cải tạo, phục hồi môi trường còn lại phải tiếp tục ký quỹ là: 482.710.159 đồng (Bốn trăm tám mươi hai triệu, bảy trăm mười nghìn, một trăm năm mươi chín đồng).

a. Số lần ký quỹ: 13 lần.

- Lần 1: Số tiền ký quỹ lần đầu của dự án bằng 20% tổng số tiền ký quỹ là 96.542.032 đồng (Chín mươi sáu triệu, năm trăm bốn mươi hai nghìn, không trăm ba mươi hai đồng). Thời điểm thực hiện ký quỹ lần đầu trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ ngày được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Số tiền ký quỹ những lần sau là: 32.180.677 đồng (Ba mươi hai triệu, một trăm tám mươi nghìn, sáu trăm bảy mươi bảy đồng). Thời điểm ký quỹ từ lần thứ hai trở đi được thực hiện trước ngày 31 tháng 01 của năm ký quỹ.

b. Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai.

Số tiền trên chưa tính đến yếu tố trượt giá trong các năm tiếp theo sau năm 2021.

4. Danh mục công trình bảo vệ môi trường chính của dự án: Tuyến đê bao ngăn nước mặt chảy tràn vào mỏ dài khoảng 2.151m, chiều cao 2,5 - 5,0m (khu vực tiếp giáp bờ sông Buông đắp cao 5,0m); 01 hồ thu nước 02 ngăn (ngăn thu và ngăn bơm) dưới đáy khai trường, kích thước được thay đổi theo tiến độ khai thác; tiếp tục dùng 01 bể tự hoại 03 ngăn (công suất 3m³/ngày, đến hết năm 2021) và lắp đặt thay thế mới bởi 01 nhà vệ sinh lưu động; mương thoát nước sân công nghiệp có tổng chiều dài khoảng 260m, rộng 0,5m, sâu 1,0 m; bãi thải tạm trong ranh khu khai thác có diện tích khoảng 1,5 ha; các thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt (tổng dung tích 400 lít); 01 nhà kho chứa chất thải nguy hại với diện tích khoảng 12m²; 02 hệ thống phun sương tưới ẩm cho 02 trạm nghiền sàng; 01 trạm rửa bánh xe đối với các xe chuyên chở sản phẩm trước khi rời mỏ đá.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án:

5.1. Giai đoạn vận hành thử nghiệm:

Các công trình xử lý chất thải phải đánh giá hiệu quả trong từng công đoạn xử lý và cả công trình xử lý chất thải, việc quan trắc chất thải của công trình xử lý thực hiện theo quy định tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường; Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5.2. Vận hành thương mại:

a) Giám sát bụi, khí thải:

- Vị trí giám sát: Tại 04 vị trí, gồm: Khu vực moong khai thác, khu vực chế biến đá - cuối hướng gió, đường vận chuyển nội mỏ, khu vực nhà văn phòng mỏ. Thông số giám sát: CO, SO₂, NO₂, bụi tổng cộng, bụi silic và tiếng ồn, tốc độ gió, độ ẩm, nhiệt độ.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 02:2019/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi

- giá trị giới hạn tiếp xúc cho 05 yếu tố bụi tại nơi làm việc; QCVN 03:2019/BYT quy chuẩn kỹ thuật quốc gia giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc; QCVN 24:2016/BYT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc; QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

b) Giám sát nước thải sản xuất:

- Vị trí: 01 vị trí (nước thải sau xử lý lấy tại miệng ống xả nước thải ra sông Buông).
- Thông số giám sát: pH, TSS, BOD₅, COD, Phospho tổng, Cu, Pb, Fe, Tổng dầu mỡ khoáng, Coliform.
- Tần suất: 03 tháng/lần.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 40:2011/BTNMT, cột A, K_q= 0,9, K_f= 1,0.

c) Giám sát chất thải rắn:

- Vị trí giám sát: Khu lưu giữ chất thải sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục.
- Thông số giám sát: Khối lượng, chủng loại, hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.
- Quy định áp dụng: Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ, Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ và Thông tư số 36/2015/TT-BTNMT ngày 30/6/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

d) Đồng thời, thực hiện chương trình giám sát (02 vị trí chất lượng nước sông Buông, 01 vị trí môi trường không khí xung quanh ngoài phạm vi Dự án, 01 vị trí chất lượng nước dưới đất, Giám sát các ảnh hưởng nô mìn, giám sát hiện tượng bồi lắng lòng sông, giám sát dịch động, sạt lở bờ mỏ) do chủ dự án đề xuất tại báo cáo đánh giá tác động môi trường.

6. Các điều kiện có liên quan đến môi trường:

- Tổ chức khai thác theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng được cơ quan có thẩm quyền cho phép, tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của pháp luật hiện hành về sử dụng vật liệu nổ công nghiệp phục vụ cho hoạt động khai thác mỏ, đặc biệt là QCVN 01:2019/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong sản xuất, thử nghiệm, nghiệm thu, bảo quản, vận chuyển, sử dụng, tiêu hủy vật liệu nổ công nghiệp và bảo quản tiền chất thuốc và QCVN 04:2009/BCT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên.

- Thực hiện biện pháp an sinh xã hội như đảm bảo cung cấp nguồn nước sạch cho các hộ dân do ảnh hưởng từ hoạt động của dự án, các biện pháp giảm thiểu bụi, tiếng ồn, độ rung theo quy định và hoàn thành thực hiện các biện pháp tăng cường trong công tác bảo vệ môi trường theo yêu cầu của UBND tỉnh Đồng Nai.

- Thực hiện nghiêm các yêu cầu của địa phương tại Văn bản số 766/UBND ngày 27/11/2020 của UBND phường Phước Tân, biên bản làm việc về nội dung tham vấn bổ sung ngày 06 tháng 4 năm 2021.

- Phối hợp với mỏ giáp ranh dự án để lập kế hoạch, thời gian, vị trí, phương án nổ mìn trước khi thực hiện các đợt nổ để đảm bảo an toàn cho người, máy móc và thiết bị xung quanh dự án.

- Thực hiện các giải pháp phòng ngừa các hiện tượng biến dạng bề mặt, dịch chuyển, sụt lở đất các khu vực sườn tầng, bờ moong khai thác, tổ chức theo dõi, giám sát thường xuyên khi phát hiện có dấu hiệu xảy ra các hiện tượng trên thì phải dừng ngay các hoạt động khai thác, khẩn trương đưa người và thiết bị ra khỏi khu vực nguy hiểm, đồng thời báo cho cơ quan thẩm quyền để phối hợp xử lý.

- Cải tạo, gia cố tuyến đê bao, hệ thống rãnh, hồ thu và các công trình bảo vệ môi trường đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường.

- Lập và thực hiện phương án chi tiết về các biện pháp phòng ngừa, ứng phó khi xảy ra sự cố, đảm bảo an toàn cho người, máy móc, thiết bị, các công trình và môi trường xung quanh, tuân thủ các quy định về phòng cháy chữa cháy, ứng phó sự cố, an toàn lao động, tài nguyên nước, khoáng sản, đất đai và các quy định khác của pháp luật trong các hoạt động của dự án.

- Xây dựng kế hoạch thực hiện quan trắc môi trường định kỳ, gửi Sở Tài nguyên và Môi trường trước ngày 31 tháng 12 của năm trước để theo dõi, giám sát theo quy định tại khoản 2 Điều 54a Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung tại khoản 27 Điều 3 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019.

- Trồng và chăm sóc thường xuyên cây xanh để hạn chế sự phát tán và điều hòa vi khí hậu, tạo cảnh quan.

- Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của Chủ dự án sau khi Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt theo quy định tại Điều 16, 16a, 16b và 17 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá tác động môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường (đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ).

- Thực hiện các giải pháp bảo vệ môi trường tăng cường theo Chỉ thị số 14/CT-TU ngày 20/12/2016 của Tỉnh ủy và Văn bản số 6149/UBND-CNN ngày 27/6/2017 của UBND tỉnh Đồng Nai, như: lắp đặt và kết nối hệ thống camera truyền dữ liệu trực tiếp về Sở Tài nguyên và Môi trường nhằm giám sát, kiểm soát nguồn phát thải bụi từ quá trình hoạt động chế biến đá, trạm cân và đường vận chuyển nội bộ mỏ; bê tông hóa đường vận chuyển nội bộ và xây dựng trạm rửa bánh xe trước khi đầu nối ra tuyến đường vận chuyển chuyên dụng của khu vực.

- Chủ động đề xuất điều chỉnh các công trình bảo vệ môi trường trong trường hợp các công trình này không đảm bảo công tác bảo vệ môi trường trong quá trình hoạt động của dự án theo quy định.

- Phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương giải quyết các vấn đề liên quan trong quá trình thực hiện dự án, thực hiện công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an ninh trật tự đối với nhân dân địa phương, người lao động tham gia dự án.

- Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì, vận hành hiệu quả và chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

- Tuân thủ các yêu cầu về vệ sinh công nghiệp, an toàn lao động trong quá trình thực hiện Dự án theo các quy định của pháp luật hiện hành. Đồng thời tuân thủ thực hiện đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường theo quy định pháp luật hiện hành.

- Thực hiện các biện pháp giáo dục, nâng cao nhận thức về bảo vệ môi trường, an toàn hóa chất, phòng chống cháy, nổ đối với cán bộ, công nhân viên làm việc cho dự án.

- Hoàn thiện báo cáo đánh giá tác động môi trường, tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật. Tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường vào dự án đầu tư, dự án đầu tư xây dựng theo quy định tại khoản 1 Điều 16 Nghị định số 18/2015/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP;

- Trường hợp các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định liên quan có sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy chuẩn, quy định mới.

- Ngoài ra, đề nghị chủ dự án liên hệ cơ quan có thẩm quyền để thực hiện đầy đủ các thủ tục đất đai theo quy định./.

